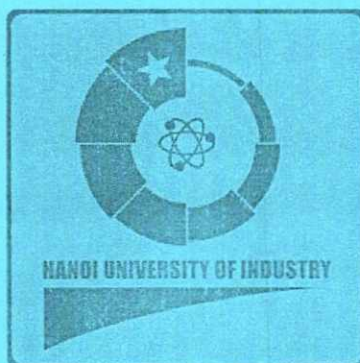


TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA DU LỊCH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Hà Nội, 2020



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG..	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường ĐHCN HN	1
2.2. Triết lý giáo dục và định hướng phát triển của Khoa Du lịch.....	5
2.3. Mục tiêu đào tạo	5
3. CHUẨN ĐẦU RA	6
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM	8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	8
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	8
5.2. Quy trình đào tạo	8
5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	9
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	9
6.1 Đội ngũ giảng dạy	9
6.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy	11
7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	14
7.1. Chuẩn bị của giảng viên	14
7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	15
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	16
8.1. Quy trình đánh giá.....	16
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	16
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	17
9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	17
9.2. Nội dung chương trình	17
9.3. Ma trận đối sánh.....	22
9.4. Sơ đồ tiến trình đào tạo	28
9.5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần.....	31
9.6. Đề cương chi tiết các học phần	48
10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	52
10.1. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo	52
10.2. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường.....	52
10.3. So sánh với các phiên bản chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	54

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	55
PHỤ LỤC	56
Phụ lục 1 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học trong nước	56
Phụ lục 2 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học nước ngoài.....	56

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: **Quản trị khách sạn**

Năm ban hành: **2020**

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG

Tên chương trình:

Tiếng Việt:

Quản trị khách sạn

Tiếng Anh:

Hospitality management

Mã ngành:

7810201

Đơn vị cấp bằng:

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Cử nhân Quản trị khách sạn

Trình độ đào tạo:

Cử nhân Quản trị khách sạn

Thời gian đào tạo:

04 năm

Đơn vị giảng dạy:

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Khoa quản lý CTĐT

Khoa Du lịch

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCN HN); tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Du lịch, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường ĐHCN HN

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn Trường ĐHCN HN là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

2.1.2. *Sứ mạng*

Trường ĐHCN HN cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.1.3. *Mục tiêu chiến lược*

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng trường ĐHCN HN thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của trường ĐHCN HN. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa ĐHCN HN

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên đạt các tiêu chí “Văn hóa ĐHCN HN”;

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học

bồng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học - Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Triết lý giáo dục và định hướng phát triển của Khoa Du lịch

2.2.1. Triết lý giáo dục

Học để biết,

Học để làm,

Học để khẳng định bản thân,

Học để chung sống.

Nguồn: UNESCO

2.2.2. Định hướng phát triển

- Phát triển hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa trong khuôn khổ tầm nhìn sứ mạng và mục tiêu phát triển của Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển;

- Đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

2.3. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn (QTKS) được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm; Có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ đào tạo theo chuẩn quốc gia và khu vực; Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú; Thích nghi với môi trường làm việc; Có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển của khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin, phương pháp nghiên cứu khoa học đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của ngành đào tạo và khả năng học tập ở trình độ cao hơn cũng như học tập suốt đời. Có hiểu biết về kinh tế và các vấn đề đương đại liên quan

ngành du lịch để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

MT2: Có kiến thức cơ bản trong ngành du lịch và những kiến thức chuyên sâu về tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh của khách sạn cũng như kiến thức hỗ trợ cho việc tư duy và ra quyết định trong môi trường du lịch.

MT3: Có các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng thiết yếu khác trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp khách sạn.

MT4: Có các kỹ năng liên cá nhân: giao tiếp, làm việc nhóm để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia và hội nhập quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA

a. Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và cơ sở ngành quản trị khách sạn.

b. Phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch.

c. Thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh lưu trú: Lễ tân/Nghiep vụ buồng /Nghiep vụ Bar – Nhà hàng.

d. Xây dựng được qui trình, điều hành và phân tích kết quả các hoạt động theo vị trí việc làm tại các bộ phận của các cơ sở kinh doanh lưu trú.

e. Giám sát và quản lý được hoạt động bộ phận theo vị trí việc làm tại các bộ phận của của các cơ sở kinh doanh lưu trú.

f. Phân tích, đánh giá và bước đầu xây dựng được các chiến lược, chính sách phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe, an toàn, khả năng sản xuất và phát triển bền vững.

g. Tiếp cận và làm quen để sử dụng được các kỹ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong các cơ sở kinh doanh lưu trú.

h. Thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.

i. Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

j. Khả năng giao tiếp hiệu quả; trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

k. Nhận ra các nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời.

l. Hiểu biết về các vấn đề đương đại.

m. Vận dụng tri thức và các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
		MT 1	MT 2	MT 3	MT 4
a.	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và cơ sở ngành quản trị khách sạn;	☒			
b.	Phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch;	☒			
c.	Thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh lưu trú: Lễ tân/Nghiep vụ buồng /Nghiep vụ Bar – Nhà hàng;			☒	
d.	Xây dựng được qui trình, điều hành và phân tích kết quả các hoạt động theo vị trí việc làm tại các bộ phận của các cơ sở kinh doanh lưu trú;		☒		
e.	Giám sát và quản lý được hoạt động bộ phận theo vị trí việc làm tại các bộ phận của của các cơ sở kinh doanh lưu trú;		☒	☒	
f.	Phân tích, đánh giá và bước đầu xây dựng được các chiến lược, chính sách phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe, an toàn, khả năng sản xuất và phát triển bền vững;		☒		
g.	Tiếp cận và làm quen để sử dụng được các kỹ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong các cơ sở kinh doanh lưu trú;		☒	☒	
h.	Thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp;		☒		
i.	Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả;				☒
j.	Khả năng giao tiếp hiệu quả; trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.			☒	☒
k.	Nhận ra các nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời;	☒			
l.	Hiểu biết về các vấn đề đương đại;	☒			

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
		MT 1	MT 2	MT 3	MT 4
m.	Vận dụng tri thức và các phương pháp nghiên cứu khoa học.	☒			

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn, người học có thể đảm nhận các vị trí công tác sau:

- Nhân viên kinh doanh, quan hệ khách hàng, nghiên cứu và phát triển thị trường, quan hệ công chúng (PR) trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, ăn uống, tổ chức sự kiện ...;
- Trưởng nhóm, giám sát, hoặc quản lý các bộ phận lễ tân, buồng, bàn, bar trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, ăn uống;
- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp có liên quan đến du lịch và khách sạn: Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch, Tổng cục Du lịch, Vụ lễ hành, Vụ khách sạn, Sở du lịch, Viện nghiên cứu và phát triển du lịch ...;
- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu liên quan tới các lĩnh vực nhà hàng và khách sạn.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại <http://tuyensinh.hauu.edu.vn>.
- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tổ hợp xét tuyển: Trường ĐHCN HN xét tuyển tuyển sinh theo các tổ hợp. Trong đó, ngành đào tạo QTKS xét tuyển theo các tổ hợp sau:
 - + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
 - + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
 - + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 141,5 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 8 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1 Đội ngũ giảng dạy

Đầu năm học 2020-2021, Khoa Du lịch có 03 bộ môn: Bộ môn Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Du lịch với 23 giảng viên (18 giảng viên cơ hữu, 05 giảng viên mời giảng) và 03 chuyên viên, trong đó có 09 tiến sĩ (39,1%), 14 thạc sĩ (60,9%). Độ tuổi trung bình của cán bộ, giảng viên nằm trong khoảng 30 – 45 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Du lịch năm 2020

STT	Bộ môn	Tổng số giảng viên	Trình độ		Hợp đồng lao động	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cơ hữu	Hợp đồng
1	Quản trị khách sạn	09	02	07	09	0
2	Du lịch	06	05	01	04	02
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	08	02	06	05	03
	Tổng cộng	23	09	14	18	05

Bảng 3. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành QTKS

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1.	Cao Thị Thanh, 1980, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	Marketing du lịch (3); Kinh doanh KS (3); Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ (2); Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (2); Quản trị nhân lực (2); Chuyên đề choạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn.
2.	Lê Ba Phong, 1978; Giảng viên	Tiến sĩ Trung Quốc, 2017	Quản trị kinh doanh	Tâm lý và hành vi tiêu dùng du lịch (4); An ninh an toàn trong khách sạn (3); Nghiệp vụ bàn (3); Lễ tân khách sạn (3); Tư vấn và bán sản phẩm du lịch (3); Giao tiếp trong du lịch (3); Lễ tân ngoại giao (2).
3.	Nguyễn Thị Bích Phượng, 1978; Giảng viên	Tiến sĩ Việt Nam, 2015	Kinh tế	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm (2); An ninh an toàn trong khách sạn (3); Kinh doanh KS (3); Quản trị bộ phận buồng (2); Quản trị bộ phận tiền sảnh (2); Quản trị bộ phận ẩm thực (2); Nghiệp vụ buồng (3); Nghiệp vụ bàn (3); Lễ tân khách sạn (3).
4.	Trần Thị Lan Hương, 1992; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm (2); An ninh an toàn trong khách sạn (3); Kinh doanh khách sạn (3); Quản trị bộ phận buồng (2); Quản trị bộ phận tiền sảnh (2); Quản trị bộ phận ẩm thực (2); Nghiệp vụ buồng (3); Nghiệp vụ bàn (3); Pha chế đồ uống (3).
5.	Hạ Thanh Tùng, 1992; Giảng viên	Thạc sĩ Úc, 2019	Quản trị kinh doanh	Marketing du lịch (3); Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ (2); Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (2); Tư vấn và bán sản phẩm du lịch (3)
6.	Bùi Phú Mỹ, 1984; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Du lịch học	Marketing du lịch (3); Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ (2); Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (2);
7.	Phạm Thị Yên Hoa, 1990; Giảng viên	Thạc sĩ Úc, 2018	Quản trị kinh doanh	Marketing du lịch (3); Thanh toán quốc tế trong du lịch (3); Thương mại điện tử trong du lịch (3)
8.	Vương Thị Vân Anh, 1987; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2009	Du lịch	Quản trị bộ phận buồng (2); Quản trị bộ phận tiền sảnh (2); Quản trị bộ phận ẩm thực (2); Nghiệp vụ buồng (3); Nghiệp vụ bàn (3); Pha chế đồ uống (3).

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
9.	Phạm Thị Thu Hà, Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh	Kinh tế du lịch; Kinh doanh dịch vụ bổ sung (2); Thanh toán quốc tế trong du lịch (3); Kinh tế vi mô (3); Thương mại điện tử trong du lịch (3); Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (3)
10.	Nguyễn Hoàng Nam, 1973; Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế	Kinh tế vi mô (3); Phương pháp nghiên cứu khoa học (3)
11.	Lê Đức Thủy, 1982; Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Khoa học quản lý	Quản trị nhân lực (2); Phương pháp nghiên cứu khoa học (3)
12.	Lê Chí Hiếu; Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam	Ngôn ngữ	Cơ sở văn hóa Việt Nam (3),
13.	Trần Thị Bích Huệ, 1979; Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam	Chính trị	Các học phần lý luận chính trị (11)
14.	Đỗ Thu Hằng, 1990; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Chính trị	Các học phần lý luận chính trị (11)
15.	Phạm Thị Đàm, 1984, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam,	Luật	Pháp luật đại cương (2); Luật du lịch (3)
16.	Vũ Thị Phương Thoa, 1986; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh Du lịch 1 (5); Tiếng anh Du lịch 2 (5)
17.	Nguyễn Thị Hương; Giảng viên	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh Du lịch 1 (5); Tiếng anh Du lịch 2 (5)
18.	Nguyễn Văn Thiện, 1983; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Toán học	Xác suất thống kê (3)
19.	Lê Thị Thu Hiền, 1981, Giáo viên mời giảng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Du lịch	Du lịch tâm linh (3), Du lịch có trách nhiệm (3); Du lịch sinh thái (3)
20.	Vương Thị Nguyệt, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất (4)

6.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

6.2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Bảng 4. Thống kê phòng học, giảng đường và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Stt	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học, giảng đường	06	70	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	Học phần có trong CTĐT
2	Phòng học ngoại ngữ	12	60	Máy tính Máy chiếu Đài đĩa Đầu video Tai nghe	1/phòng 1/phòng 1/phòng 1/phòng 1/phòng	Ngoại ngữ
3	Phòng máy tính	01	72,45	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	Tin học ứng dụng trong du lịch
4	Phòng thực hành nghiệp vụ	04	60	Máy tính Máy chiếu và các trang thiết bị thực hành theo tiêu chuẩn VTOS	Theo tiêu chuẩn VTOS cho từng nghiệp vụ	Nghiệp vụ buồng; Nghiệp vụ bàn; Pha chế đồ uống; Lễ tân khách sạn.

Nguồn: Khoa Du lịch

Số lượng phòng học và phòng thực hành hiện tại đảm bảo đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất cho sinh viên khoa Du lịch nói chung và ngành QTKS nói riêng học tập và thực hành trực tiếp theo phân phối thời lượng chương trình và tình hình đăng ký học phần theo tín chỉ theo nguyện vọng của sinh viên.

6.2.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

Nhà trường có 03 trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 6.500m² (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500m² và diện tích 2.000m² kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử >10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại.

Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 (Library Online 6.0), sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng trang Website thư viện <http://lib.hauai.edu.vn/> để phục vụ cho sinh viên. Ngoài ra thư viện của trường còn kết nối với thư viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo

<http://ebook.moet.gov.vn/> giúp cho sinh viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng vốn đầu sách trong thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

** Phòng đọc tài liệu điện tử*

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích phòng: 100 m²/phòng

- Nguồn kinh phí xây dựng do nhà trường đầu tư;

- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các thí nghiệm qua các phần mềm đã được cài đặt.

- Các trang thiết bị chính: Với 80 máy tính cấu hình cao nối mạng Lan và mạng internet tốc độ cao.

Bảng 5. Danh mục các thiết bị kèm theo

Stt	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	80	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đức	
3.	Wiess AIR – AP 1252 AG-A-K9	05	China	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	China	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	China	
Và nhiều trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

(Nguồn: Trường ĐHCN HN)

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Diện tích phòng: 500 m²

- Mục đích sử dụng: Đọc các tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí

- Các trang thiết bị chính: Phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 10.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học. Tổng mức đầu tư trên 1,5 tỉ đồng do Nhà trường đầu tư. Phục vụ cùng một lúc trên 500 chỗ ngồi.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 03;

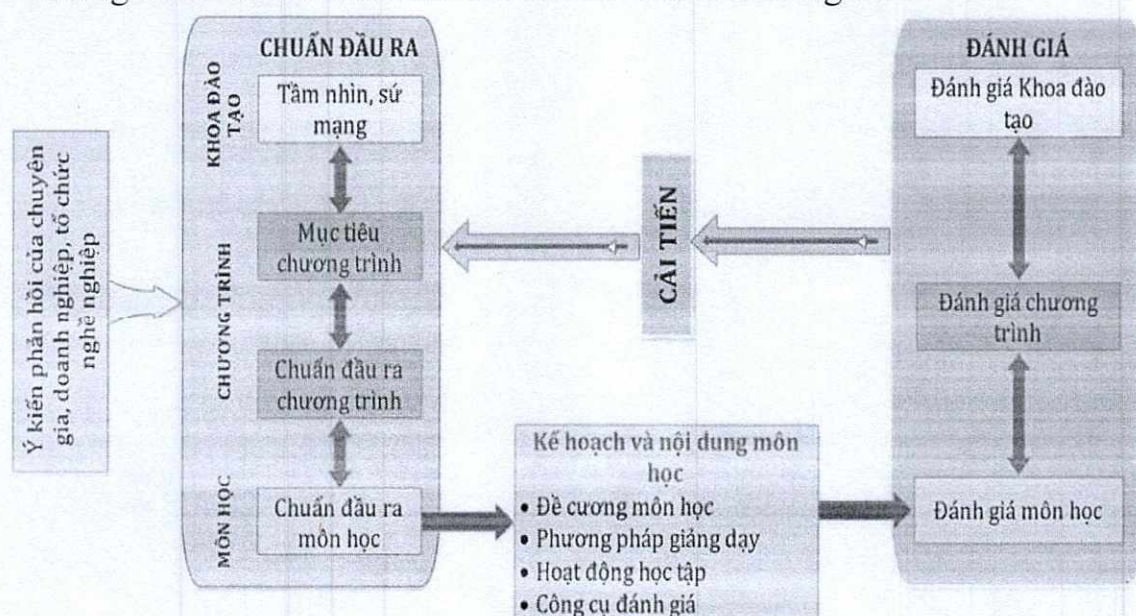
- Diện tích phòng: 150 m²/phòng;

- Mục đích sử dụng: Dùng để báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ luận văn tốt nghiệp;

- Các trang thiết bị chính: Đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hội thảo. Cho phép hội thảo trực tuyến qua mạng internet không phân biệt khoảng cách địa lý.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Du lịch tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra ở cấp độ chương trình. Từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Du lịch

Nguồn: Trường ĐH Công nghiệp HN

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản trị khách sạn cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);
- Nắm rõ phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải

mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 6.

Bảng 6. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy trực tuyến	Một số học phần lý thuyết giảng giảng thông qua video, audio, bài tập trắc nghiệm, bài tập tình huống... thông qua phần mềm học trực tuyến trên hệ thống đại học điện tử	Giảng dạy kết hợp, thuyết giảng, nghiên cứu tình huống, kiểm tra hoạt động học trực tuyến
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thực tế doanh nghiệp	Mô phỏng; Thực địa
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân;

Nguồn: Trường ĐHCN HN

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một cán bộ ngành QTKS;

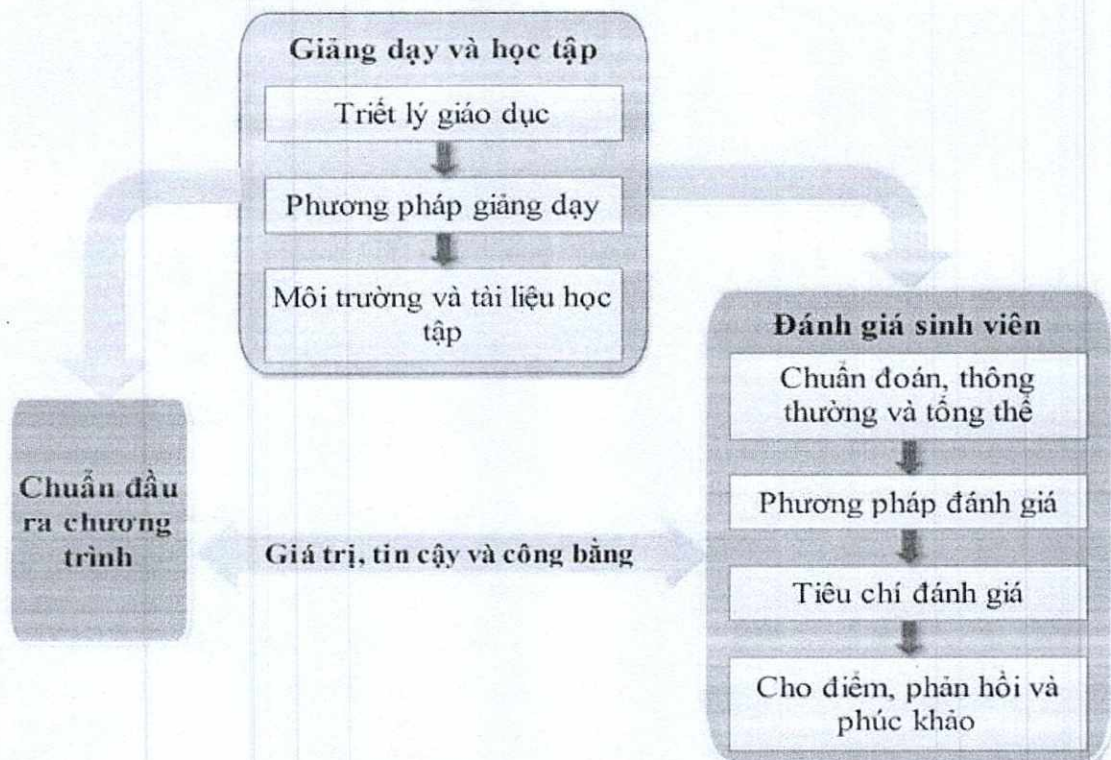
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng dạy;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần (L1, L2, L3...), chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT G1, G2, G3, G4... Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực QTKS và có khả năng mở rộng cho nhiều vị trí việc làm khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Bảng 7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Lý thuyết	TH/TN	TL/BTL/ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	52,5	43	9,5	0	37,1
Kiến thức Cơ sở ngành	34	25	2	7	24,0
Kiến thức Chuyên ngành	40	21	12	7	28,3
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	10,6
Tổng cộng	141,5	89	23,5	29	100,0

9.2. Nội dung chương trình

Bảng 8. Nội dung chương trình đào tạo ngành QTKS 2020

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			Học kỳ	Học phần	
				LT	TH /TN	BTL /ĐA /TL /TT		Tiên quyết	Học trước
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG									
I.1	Ngoài khung		20,0						
Chọn 1 trong 4 môn học ngoại ngữ			20,0						
TcNN1			20,0	20,0	0,0	0,0			
1	FL6287	Tiếng Hàn cơ bản 1	5,0	5,0	0,0	0,0	1		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			Học kỳ	Học phần	
				LT	TH /TN	BTL /ĐA /TL /TT		Tiêu quyết	Học trước
2	FL6288	Tiếng Hàn cơ bản 2	5,0	5,0	0,0	0,0	2		FL6287
3	FL6289	Tiếng Hàn cơ bản 3	5,0	5,0	0,0	0,0	3		
4	FL6290	Tiếng Hàn cơ bản 4	5,0	5,0	0,0	0,0	4		FL6289
TcNN2			20,0	20,0	0,0	0,0			
1	FL6142	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn cơ bản 1	5,0	5,0	0,0	0,0	1		
2	FL6143	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn cơ bản 2	5,0	5,0	0,0	0,0	2		FL6142
3	FL6144	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn cơ bản 3	5,0	5,0	0,0	0,0	3		FL6142 FL6143
4	FL6145	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn cơ bản 4	5,0	5,0	0,0	0,0	4		FL6142 FL6143 FL6144
TcNN3			20,0	20,0	0,0	0,0			
1	FL6282	Tiếng Trung cơ bản 1	5,0	5,0	0,0	0,0	1		
2	FL6283	Tiếng Trung cơ bản 2	5,0	5,0	0,0	0,0	2		FL6282
3	FL6284	Tiếng Trung cơ bản 3	5,0	5,0	0,0	0,0	3		FL6282, FL6283
4	FL6285	Tiếng Trung cơ bản 4	5,0	5,0	0,0	0,0	4		FL6283, FL6284
TcNN4			20,0	20,0	0,0	0,0			
1	FL6292	Tiếng Nhật cơ bản 1	5,0	5,0	0,0	0,0	1		
2	FL6293	Tiếng Nhật cơ bản 2	5,0	5,0	0,0	0,0	2	FL6292	FL6292
3	FL6294	Tiếng Nhật cơ bản 3	5,0	5,0	0,0	0,0	3		
4	FL6295	Tiếng Nhật cơ bản 4	5,0	5,0	0,0	0,0	4		
I.2	Lý luận chính trị		11,0						
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3,0	3,0	0,0	0,0	1		
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2,0	2,0	0,0	0,0	2		LP6010
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,0	2,0	0,0	0,0	3		LP6011
4	LP6013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	2,0	0,0	0,0	4		LP6012
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	2,0	0,0	0,0	5		LP6002
I.3	Khoa học xã hội và nhân văn		24,0						
Kiến thức bắt buộc			11,0	11,0	0,0	0,0			
1	TO6001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3,0	3,0	0,0	0,0	1		
2	TO6038	Nghi thức xã hội	3,0	3,0	0,0	0,0	1		
3	LP6003	Pháp luật đại cương	2,0	2,0	0,0	0,0	4		LP6002

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			Học kỳ	Học phần	
				LT	TH /TN	BTL /ĐA /TL /TT		Tiên quyết	Học trước
4	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3,0	3,0	0,0	0,0	5		
TcQTKS1			3,0	2,0	1,0	0,0			
1	TO6037	Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	3,0	2,0	1,0	0,0	2		
2	TO6046	Phong tục tập quán các nước trên thế giới	3,0	2,0	1,0	0,0	2		
TcNN (Chọn 1 trong 4 môn học sau)			10,0	10,0	0,0	0,0			
TcNN1			10,0	10,0	0,0	0,0			
1	FL6335	Tiếng Hàn 1	5,0	5,0	0,0	0,0	5		
2	FL6336	Tiếng Hàn 2	5,0	5,0	0,0	0,0	6		
TcNN2			10,0	10,0	0,0	0,0			
1	FL6361	Tiếng Anh Lễ tân Khách sạn 1	5,0	5,0	0,0	0,0	5		
2	FL6362	Tiếng Anh Lễ tân Khách sạn 2	5,0	5,0	0,0	0,0	6		
TcNN3			10,0	10,0	0,0	0,0			
1	FL6339	Tiếng Trung 1	5,0	5,0	0,0	0,0	5		
2	FL6340	Tiếng Trung 2	5,0	5,0	0,0	0,0	6		
TcNN4			10,0	10,0	0,0	0,0			
1	FL6337	Tiếng Nhật 1	5,0	5,0	0,0	0,0	5		
2	FL6338	Tiếng Nhật 2	5,0	5,0	0,0	0,0	6		
I.4	Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học		5,0						
Kiến thức bắt buộc			2,0	0,0	2,0	0,0			
1	TO6058	Tin học ứng dụng trong du lịch	2,0	0,0	2,0	0,0	5		
TcQTKS2			3,0	3,0	0,0	0,0			
1	BM6021	Kinh tế học vi mô	3,0	3,0	0,0	0,0	3		
2	TO6036	Môi trường và phát triển	3,0	3,0	0,0	0,0	3		
3	BS6008	Xác suất thống kê	3,0	3,0	0,0	0,0	3		BS6002 BS6010
I.5	Giáo dục thể chất		4,0						
Chọn 4 trong 30 học phần sau			4,0	0,0	4,0	0,0			
1	PE6027	Bóng đá 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
2	PE6028	Bóng đá 2	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
3	PE6033	Bóng ném 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
4	PE6031	Cầu mây 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
5	PE6032	Cầu mây 2	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
6	PE6029	Đá cầu 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			Học kỳ	Học phần	
				LT	TH /TN	BTL /ĐA /TL /TT		Tiền quyết	Học trước
7	PE6030	Đá cầu 2	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
8	PE6035	Futsal 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
9	PE6019	Tennis 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
10	PE6020	Tennis 2	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
11	PE6001	Aerobic 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
12	PE6005	Bơi 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
13	PE6017	Bóng bàn 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
14	PE6003	Bóng chuyền 1	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
15	PE6034	Bóng ném 2	1,0	0,0	1,0	0,0	1,3		
16	PE6021	Bóng rổ 1	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
17	PE6025	Cầu lông 1	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
18	PE6036	Futsal 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
19	PE6011	Karate 1	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
20	PE6013	Khiêu vũ 1	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
21	PE6015	Pencak Silat 1	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
22	PE6002	Aerobic 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
23	PE6006	Bơi 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
24	PE6018	Bóng bàn 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
25	PE6004	Bóng chuyền 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
26	PE6022	Bóng rổ 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
27	PE6026	Cầu lông 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
28	PE6012	Karate 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
29	PE6014	Khiêu vũ 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
30	PE6016	Pencak Silat 2	1,0	0,0	1,0	0,0	2,4		
I.6	Giáo dục quốc phòng an ninh		8,5						
1	DC6005	Công tác quốc phòng và an ninh	2,0	2,0	0,0	0,0	1		
2	DC6004	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3,0	3,0	0,0	0,0	1		
3	DC6007	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2,0	0,0	2,0	0,0	1		
4	DC6006	Quân sự chung	1,5	1,0	0,5	0,0	1		
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
II.1	Kiến thức cơ sở		34,0						
Kiến thức bắt buộc			29,0	29,0	0,0	0,0			
1	TO6044	Nhập môn du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	1		
2	TO6022	Giao tiếp trong du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	2		
3	TO6024	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	2,0	2,0	0,0	0,0	2		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			Học kỳ	Học phần	
				LT	TH /TN	BTL /ĐA /TL /TT		Tiêu quyết	Học trước
4	TO6063	Tham quan các mô hình lưu trú	2,0	0,0	0,0	2,0	2		
5	TO6027	Kinh tế du lịch	2,0	2,0	0,0	0,0	3		TO6044
6	TO6075	Thực tập cơ sở ngành	4,0	0,0	0,0	4,0	4	TO6063	
7	TO6059	Tổ chức sự kiện	4,0	2,0	2,0	0,0	4		
8	LP6005	Luật du lịch	2,0	2,0	0,0	0,0	6		120304
									1203107
									120404
									120405
									1204107
									LP6003
9	TO6035	Marketing du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	7		
10	TO6055	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch	4,0	3,0	0,0	1,0	7		
TcQTKS31			2,0	2,0	0,0	0,0			
1	AA6009	Kế toán doanh nghiệp du lịch	2,0	2,0	0,0	0,0	3		1603115
2	TO6034	Lễ tân ngoại giao	2,0	2,0	0,0	0,0	3		TO6027
3	BM6079	Thư ký văn phòng	2,0	2,0	0,0	0,0	3		
TcQTKS32			3,0	3,0	0,0	0,0			
1	TO6005	An ninh an toàn trong khách sạn	3,0	3,0	0,0	0,0	5		
2	TO6019	Địa lý du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	5		
3	TO6016	Du lịch có trách nhiệm	3,0	3,0	0,0	0,0	5		
II.2 Kiến thức chuyên ngành			40,0						
Kiến thức bắt buộc			30,0	30,0	0,0	0,0			
1	TO6039	Nghiệp vụ bàn	3,0	0,0	3,0	0,0	3		
2	TO6049	Quản trị bộ phận ẩm thực	2,0	2,0	0,0	0,0	3		
3	TO6040	Nghiệp vụ buồng	3,0	0,0	3,0	0,0	4		
4	TO6050	Quản trị bộ phận buồng	2,0	2,0	0,0	0,0	4		
5	TO6026	Kinh doanh khách sạn	3,0	3,0	0,0	0,0	5		
6	TO6033	Lễ tân khách sạn	3,0	0,0	3,0	0,0	5		
7	TO6051	Quản trị bộ phận tiền sảnh	2,0	2,0	0,0	0,0	5		
8	TO6076	Thực tập chuyên ngành	5,0	0,0	0,0	5,0	6		
9	TO6025	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2,0	2,0	0,0	0,0	7		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			Học kỳ	Học phần	
				LT	TH /TN	BTL /ĐA /TL /TT		Tiên quyết	Học trước
10	TO6045	Pha chế đồ uống	3,0	0,0	3,0	0,0	7		
11	TO6048	Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ	2,0	2,0	0,0	0,0	7		TO6049 TO6050 TO6051
TcQTKS41			2,0	2,0	0,0	0,0			
1	TO6052	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2,0	2,0	0,0	0,0	7		
2	BM6060	Quản trị nhân lực.	2,0	2,0	0,0	0,0	7		
TcQTKS42			3,0	3,0	0,0	0,0			
1	TO6065	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	5		
2	TO6062	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	5		TO6022 TO6044
TcQTKS43			3,0	3,0	0,0	0,0			
1	TO6077	Thương mại điện tử trong du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	6		
2	TO6079	Xúc tiến du lịch	3,0	3,0	0,0	0,0	6		
TcQTKS44			2,0	2,0	0,0	0,0			
1	TO6010	Chuyên đề Đạo đức nghề khách sạn	2,0	0,0	0,0	2,0	7		
2	TO6011	Chuyên đề Hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	2,0	0,0	0,0	2,0	7		
3	TO6012	Chuyên đề Khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	2,0	0,0	0,0	2,0	7		
II.3	Thực tập doanh nghiệp và khóa luận tốt nghiệp		15,0						
Kiến thức bắt buộc									
1	TO6032	Khóa luận tốt nghiệp	8,0	0,0	0,0	8,0	8	TO6063 TO6075 TO6076	
2	TO6072	Thực tập doanh nghiệp	7,0	0,0	0,0	7,0	8	TO6063 TO6075 TO6076	
Tổng số tín chỉ			141,5						

9.3. Ma trận đối sánh

Bảng 9. Ma trận ánh xạ chuẩn đầu ra cấp độ 3 và chuẩn đầu ra theo năng lực

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
1	Phần kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Khối kiến thức khoa học cơ bản	
1.1.1	Hiểu được kiến thức toán đại số và xác suất thống kê.	a
1.1.2	Hiểu và giải thích được kiến thức về lý luận chính trị.	a
1.1.3	Phân tích được kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội và luật pháp vào hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn	a
1.2	Khối kiến thức cơ sở ngành	
1.2.1	Phân tích được kiến thức tổng quan về ngành du lịch và khách sạn	a
1.2.2	Phân tích được kiến thức cơ sở về kinh tế, marketing, kinh doanh và quản trị kinh doanh vào hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	a
1.2.3	Vận dụng được kiến thức về nghi thức xã hội trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	a
1.2.4	Phân tích được tâm lý khách du lịch để vận dụng vào hoạt động quản trị kinh và kinh doanh khách sạn.	b
1.2.5	Phân tích được kiến thức về địa lý trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	a
1.3	Khối kiến thức chuyên ngành	
1.3.1	Phân tích được các kiến thức nghiệp vụ trong các bộ phận của Khách sạn.	c
1.3.2	Phân tích được kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh trong quản lý và kinh doanh khách sạn.	c
1.3.3	Phân tích được kiến thức về quản trị kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn.	e
1.3.4	Phân tích được kiến thức về giám sát, quản lý hoạt động trong các bộ phận của khách sạn.	e
1.3.5	Phân tích được kiến thức về đảm bảo an ninh, an toàn trong khách sạn.	c
1.4	Khối kiến thức bổ trợ	
1.4.1	Phân tích được kiến thức về du lịch trách nhiệm và du lịch bền vững.	h
1.4.2	Phân tích được kiến thức về nghiệp vụ văn phòng, các công cụ trong quản trị và kinh doanh trong khách sạn	g
1.4.3	Vận dụng được kiến thức về tổ chức sự kiện và quản trị sự kiện trong kinh doanh khách sạn.	c
2	Phần kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	
2.1.1	Thực hiện đúng việc phát hiện và tổng quát hóa vấn đề trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
2.1.2	Thực hiện đúng việc phân tích và đánh giá vấn đề trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
2.1.3	Giải quyết được các vấn đề trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
2.2	Nghiên cứu và khám phá tri thức	
2.2.1	Hình thành các giả thuyết phù hợp với lĩnh vực khách sạn	d
2.2.2	Tổng hợp thông tin tài liệu về lĩnh vực khách sạn	m

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
2.2.3	Thực hiện đúng phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh khách sạn	m
2.2.4	Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	g
2.3	Tư duy hệ thống	
2.3.1	Thể hiện đúng tư duy logic và tư duy phản biện trong quản trị và kinh doanh khách sạn.	m
2.3.2	Xác định đúng vấn đề ưu tiên trong quản trị và kinh doanh khách sạn	d
2.3.3	Xác định đúng các giải pháp trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn	d
2.3.4	Thể hiện đúng tư duy phân tích đa chiều trong quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
2.4	Phẩm chất cá nhân	
2.4.1	Thể hiện đúng sự tự tin, chủ động trong công việc.	h
2.4.2	Thể hiện tính trung thực, thân thiện và chu đáo trong công việc.	h
2.4.3	Hình thành ý thức học tập và rèn luyện suốt đời.	k
2.4.4	Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa và phong tục tập quán	h
2.4.5	Hình thành ý thức lập kế hoạch, chuẩn bị cho công việc và cuộc sống.	k
2.5	Kỹ năng và phẩm chất trong nghề nghiệp	
2.5.1	Thực hiện được hành vi chuyên nghiệp của nhà quản trị kinh doanh và nhân viên trong khách sạn	h
2.5.2	Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp và làm việc có trách nhiệm	h
2.5.3	Quản lý được nguồn lực và thời gian.	d
2.5.4	Thể hiện đúng lòng đam mê nghề nghiệp và có khả năng chịu được áp lực cao trong công việc	h
2.5.5	Đánh giá đúng năng lực, phẩm chất, thái độ của bản thân và của người khác.	i
2.5.6	Thể hiện đúng khả năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	k
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1	Làm việc theo nhóm	
3.1.1	Xây dựng được nhóm làm việc hiệu quả.	i
3.1.2	Tổ chức được hoạt động nhóm	i
3.1.3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	i
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong công việc	i
3.2.2	Sử dụng tốt giao tiếp đa phương tiện	i
3.2.3	Giải quyết được xung đột trong hoạt động kinh doanh khách sạn	i
4	Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội	
4.1	Bối cảnh bên ngoài và xã hội	
4.1.1	Thể hiện đúng vai trò và trách nhiệm của người làm nghề du lịch	h

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
4.1.2	Phân tích được các tác động của ngành du lịch đối với kinh tế, xã hội và môi trường.	m
4.1.3	Phân tích được tác động của bối cảnh lịch sử và văn hóa đến ngành du lịch.	m
4.1.4	Cập nhật được các vấn đề mang tính thời sự ảnh hưởng đến ngành du lịch.	l
4.2	Bối cảnh nghề nghiệp và kinh doanh	
4.2.1	Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa doanh nghiệp.	h
4.2.2	Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp.	f
4.2.3	Thích ứng được với môi trường làm việc trong nước và quốc tế.	i
4.3	Hình thành ý tưởng áp dụng	
4.3.1	Xác định đúng mục tiêu và yêu cầu của công việc quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.3.2	Xác định đúng đặc điểm của khách hàng và môi trường làm việc	d
4.3.3	Hình thành được ý tưởng về hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.4	Lập kế hoạch triển khai công việc	
4.4.1	Xác định đúng kế hoạch cho hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.4.2	Nhận diện rủi ro trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn	d
4.5	Triển khai công việc	
4.5.1	Đề xuất đúng phương pháp thực hiện trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
4.5.2	Phát hiện được các sai hỏng trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
4.5.3	Giám sát được công việc của các bộ phận trong khách sạn	e
4.6	Đánh giá chất lượng công việc	
4.6.1	Đánh giá chính xác quá trình thực hiện hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn theo các tiêu chuẩn	d
4.6.2	Đề xuất đúng các phương pháp đánh giá chất lượng công việc.	d
4.6.3	Đề xuất đúng phương án điều chỉnh để đảm bảo chất lượng công việc	d
4.6.4	Đề xuất các khuyến nghị nâng cao chất lượng công việc	d

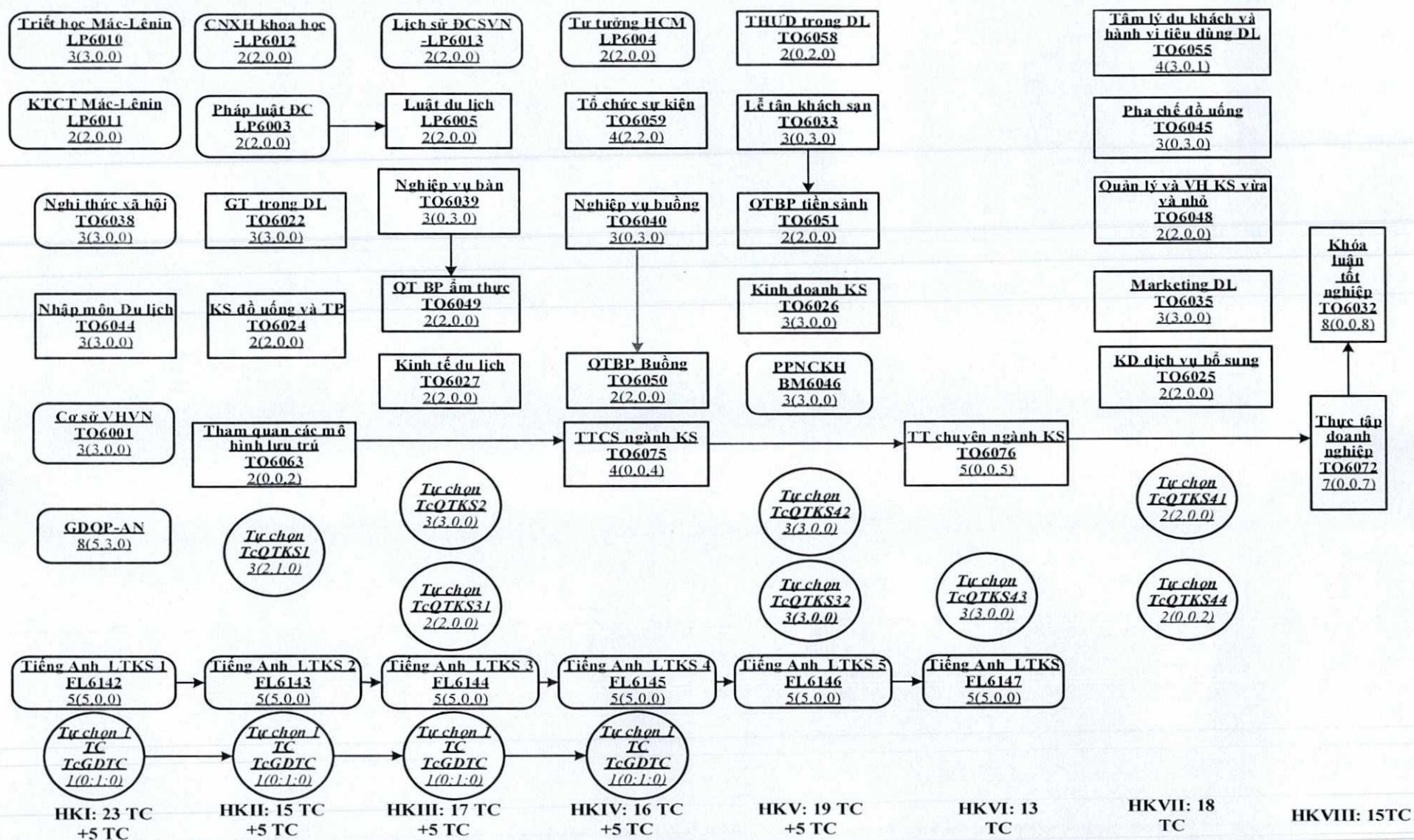
Bảng 10. Ma trận đối sánh học phần – chuẩn đầu ra CTĐT ngành QTKS

TT	Học phần	CĐR ngành QTKS (viết rõ I,T,U)
1.	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin	1.1.2 (T)
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1.1.2 (T)
3.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	1.1.3 (T)
4.	Triết học Mác-Lênin	1.1.2(T)
5.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1.1.2(T)
6.	Pháp luật đại cương	1.1.2 (T)
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1.4.2 (T); 2.1.1 (U); 2.2.1 (U); 2.2.2 (U); 2.2.3 (U); 2.3.1 (U)

TT	Học phần	CĐR ngành QTKS (viết rõ I,T,U)
8.	Nghị thức xã hội	1.2.3 (T); 2.3.1 (U); 4.2.1 (U)
9.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1.2.3. (T); 2.4.4 (U)
10.	Phong tục tập quán các nước trên thế giới	1.1.3 (T); 2.4.4 (U); 4.1.3 (U); 4.2.3 (U)
11.	Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	1.1.3 (T); 2.4.4 (U); 4.1.3 (U)
12.	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn	3.2.1 (U); 4.2.3 (U)
13.	Tin học ứng dụng trong du lịch	1.3.1 (I); 1.4.2 (I); 3.2.2 (U)
14.	Môi trường và phát triển	1.4.1 (T); 4.1.1 (U); 4.1.2 (U)
15.	Kinh tế vi mô	1.1.3 (T)
16.	Xác suất thống kê	1.1.1 (T)
17.	Nhập môn du lịch	1.2.1 (T); 3.1.1 (U); 3.1.2 (U); 3.1.3 (U); 4.1.1 (U)
18.	Tham quan các mô hình lưu trú	1.2.1 (T); 2.2.2 (U); 2.5.4 (U); 3.1.3 (U)
19.	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng của khách du lịch	1.2.4 (T); 3.2.3 (U); 4.3.2 (TU)
20.	Marketing du lịch	1.2.2 (T); 2.3.1 (U); 4.1.1 (U)
21.	Kinh tế du lịch	1.2.1 (T); 1.2.2 (T); 2.1.1 (U); 4.1.2 (U)
22.	Luật trong du lịch	1.1.3 (T)
23.	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	1.3.1 (T); 1.3.4 (T); 1.3.5 (T)
24.	Thực tập cơ sở ngành (QTKS)	2.4.5 (U); 2.5.6 (U); 4.1.1 (TU); 4.2.3 (U); 4.3.2 (U)
25.	Địa lý du lịch	1.2.5 (T); 4.1.2 (U); 4.1.3 (U)
26.	Du lịch có trách nhiệm	1.1.3 (U); 1.4.1 (T); 4.1.2 (U); 4.3.3 (U)
27.	An ninh, an toàn trong khách sạn	1.3.5 (T); 2.5.2 (U); 4.5.3 (U)
28.	Kinh doanh khách sạn	1.3.2 (T); 4.2.2 (U); 4.3.1 (U); 4.4.1 (U); 4.4.2 (U)
29.	Quản trị bộ phận buồng	1.3.4 (T); 2.5.3 (U); 4.5.3 (U); 4.6.1 (U)
30.	Quản trị bộ phận tiền sảnh	1.3.4 (T); 2.5.3 (U); 4.5.3 (U)
31.	Quản trị bộ phận ẩm thực	1.3.4 (T); 2.5.3 (U); 4.5.3 (U)
32.	Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ	1.3.3 (T); 2.3.3 (U); 4.3.1 (U); 4.4.1 (U); 4.5.1 (U)
33.	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	1.3.3 (T); 4.3.3 (U); 4.4.2 (U)
34.	Nghiệp vụ buồng	1.3.1 (T); 2.4.2 (U); 2.5.1 (U); 3.1.3 (U)
35.	Nghiệp vụ bàn	1.3.1 (T); 2.4.1 (U); 2.4.2 (U); 2.5.1 (U); 2.5.4 (U)
36.	Pha chế đồ uống	2.5.1 (U); 2.5.4 (U);
37.	Lễ tân khách sạn	1.3.1 (I); 2.4.1 (U); 2.4.2 (U); 2.5.1 (U); 3.2.1 (U)
38.	Thực tập chuyên ngành khách sạn	2.5.4 (U); 2.5.6 (U); 3.1.1 (U); 4.2.1 (U); 4.2.2 (U)
39.	Quản trị nhân lực	1.3.3 (T); 2.5.1 (U); 2.5.5 (U)
40.	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	1.3.3 (T); 4.5.2 (U); 4.6.1 (U); 4.6.2 (U); 4.6.3 (U);
41.	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch	1.3.2 (T); 3.2.2 (U)

TT	Học phần	CĐR ngành QTKS (viết rõ I,T,U)
42.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	1.3.2 (T); 3.2.2 (U)
43.	Thương mại điện tử trong du lịch	1.3.2 (T); 3.2.2 (U)
44.	Xúc tiến du lịch	1.3.2 (T); 3.2.2 (U)
45.	Tổ chức sự kiện	1.4.3 (T); 2.4.1 (U); 3.2.1 (U); 3.2.3 (U)
46.	Giao tiếp trong du lịch	1.2.4 (T); 3.2.1 (T); 3.2.2 (T); 3.2.3 (T)
47.	Lễ tân ngoại giao	1.2.3 (T); 4.2.3 (U)
48.	Thư ký văn phòng	1.4.2 (T)
49.	Kế toán doanh nghiệp du lịch	1.3.1 (T)
50.	Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	2.3.4 (U); 2.5.5 (U); 2.5.6 (U); 4.3.3 (U); 4.4.2 (TU)
51.	Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	2.1.2 (U); 2.1.3 (U); 2.3.2. (U); 4.2.2 (U); 4.3.1 (U)
52.	Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn	2.4.2 (U); 2.5.2 (U)
53.	Thực tập doanh nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)	2.1.2 (U); 2.4.1 (U); 2.5.5 (U); 2.5.6 (U); 3.2.1 (U); 4.5.2 (U); 4.6.4 (U)
54.	Khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)	1.3.3 (U); 2.1.1 (U); 2.1.2 (U); 2.1.3 (U); 2.2.1 (U); 2.2.2 (U); 2.2.3 (U); 2.2.4 (U); 2.3.1 (U); 2.4.3 (U); 2.4.6 (U)

9.4. Sơ đồ tiến trình đào tạo



9.5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

9.5.1. *Triết học Mác- Lênin*

Mã học phần: LP6010

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin gồm: triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học giúp sinh viên có khả năng vận dụng, giải quyết các vấn đề thực tiễn, đồng thời xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

9.5.2. *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Mã học phần: LP6004

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức về quá trình hình thành, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Những vấn đề cơ bản đó là: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản, nhà nước, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, vấn đề đạo đức, văn hóa, nhân văn... đó là cơ sở lý luận định hướng tư duy và hành động cho sinh viên trong quá trình học tập rèn luyện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

9.5.3. *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*

Mã học phần: LP6013

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Đồng thời khẳng định những thành công, hạn chế, tổng kết những bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, giúp người học nâng cao nhận thức,

niềm tin đối với Đảng, góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

9.5.4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin

Mã học phần: LP6011

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó phát huy những giá trị bền vững của kinh tế chính trị Mác-Lênin đồng thời hình thành kỹ năng tư duy, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

9.5.5. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: LP6012

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về các quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: dân chủ, Nhà nước, dân tộc, tôn giáo xã hội chủ nghĩa... Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, góp phần xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

9.5.6. Pháp luật đại cương

Mã học phần: LP6003

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về Nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của học phần gồm các vấn đề: Quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Dân sự, Luật Phòng chống tham nhũng... Bên cạnh đó học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xử lý tình huống pháp luật trong thực tế, điều

chỉnh hành vi theo đúng quy định của pháp luật và nhận thức được vai trò của mình trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong gia đình, nhà trường và xã hội, tạo lập cho sinh viên thái độ tôn trọng pháp luật.

9.5.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo các ngành nghề du lịch ở trình độ đại học. Nội dung học phần mô tả những kiến thức lí luận chung về phương pháp nghiên cứu khoa học. Cung cấp sâu cho người học những phương pháp nghiên cứu, quy trình và cấu trúc của đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.

9.5.8. Nghi thức xã hội

Mã học phần: TO6038

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của nghi thức xã hội trong giao tiếp quốc tế, giao tiếp thông thường và giao tiếp trong hoạt động du lịch. Từ đó, giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong có văn hóa, văn minh, lịch sự của người làm nghề dịch vụ.

9.5.9. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã học phần: TO6001

Số tín chỉ: 3(2,0,1)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: những vấn đề lý luận về văn hóa học và văn hóa Việt Nam; cấu trúc của hệ thống văn hóa truyền thống Việt Nam; các vùng văn hóa Việt Nam. Qua đó, nhận diện được quy luật văn hóa, đặc trưng chung của văn hóa Việt Nam và đặc trưng văn hóa các vùng miền. Trên cơ sở đó bồi dưỡng thái độ biết trân trọng những giá trị văn hóa, có ý thức bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

9.5.10. Phong tục tập quán các nước trên thế giới

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan tới Phong tục, tập quán các quốc gia trên thế giới. Từ đó hình thành ý thức tôn trọng sự khác biệt các giá trị trong phong tục tập quán các nước, giúp sinh viên có khả năng phân tích và thích ứng được với những yếu tố tác động của lịch sử, văn hóa trong môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

9.5.11. Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực, đặc trưng văn hóa ẩm thực Việt Nam, và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học có ý thức tôn trọng sự khác biệt về văn hóa ẩm thực của mỗi vùng miền, quốc gia và củng cố lòng tự hào về văn hóa ẩm thực dân tộc.

9.5.12. Tiếng Anh Lễ tân khách sạn

Tiếng anh lễ tân khách sạn 1

Mã học phần:

Số tín chỉ: 5(5;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp, kiến thức từ vựng và các kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết, và kỹ năng giao tiếp ở trình độ B1 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Châu Âu) về các chủ đề sau: giải quyết các yêu cầu của khách về dịch vụ giặt là; lau dọn phòng và dịch vụ phòng ở khách sạn; giải quyết các phàn nàn của khách về phòng và dịch vụ giặt là; sắp xếp các chuyến du lịch; các hướng dẫn và cảnh báo ở khách sạn và điểm tham quan du lịch; lịch trình các chuyến du lịch; giới thiệu một số điểm du lịch văn hóa và thiên nhiên nổi tiếng ở Việt Nam; một số điểm di tích lịch sử; một số điểm du lịch danh lam thắng cảnh; du lịch làng nghề và du lịch sinh thái. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên có ý thức tích cực, tự giác, chủ động trong học tập, tăng cường kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm.

Tiếng anh lễ tân khách sạn 2

Mã học phần:

Số tín chỉ: 5(5;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp, kiến thức từ vựng và các kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết, và kỹ năng giao tiếp ở trình độ B1 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Châu Âu) về các chủ đề sau: thực hiện các hội thoại xã giao tại nơi làm việc, sắp xếp các chuyến du lịch trong và ngoài thành phố, các lễ hội và các ngày kỉ niệm, phục vụ trong nhà hàng, trả phòng, viết thư/ email, viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch, phỏng vấn xin việc. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên có ý thức tích cực, tự giác, chủ động trong học tập, tăng cường kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm.

9.5.13. Tin học ứng dụng trong du lịch

Mã học phần: TO6058

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý khách sạn như một công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc quản lý các bộ phận khác nhau trong khách sạn thông qua việc thực hành sử dụng các chức năng của phần mềm như : Quản lý thuê phòng, Quản lý nhân viên, Quản lý khách hàng, Quản lý tiện nghi, Lập hóa đơn, Lập báo cáo, Quản lý phòng, Quản lý dịch vụ, Quản lý tài khoản.

9.5.14. Môi trường và phát triển

Mã học phần: TO6036

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan nhất về các vấn đề môi trường và tác động qua lại giữa sự phát triển du lịch với môi trường; Từ đó, giúp người học có ý thức bảo vệ môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội cũng như ngành Du lịch.

9.5.15. Kinh tế vi mô

Mã học phần: BM6021

Số tín chỉ: 3 (3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung-cầu, qui luật

cạnh tranh...Học phần còn đề cập đến hành vi của người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ.

9.5.16. Xác suất thống kê

Mã học phần: BS6008

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm hai phần: Lý thuyết xác suất và Thống kê toán.

- Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu các khái niệm cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, khái niệm đại lượng ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thường gặp.

- Phần Thống kê toán giới thiệu cơ sở lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, các đặc trưng mẫu, bài toán ước lượng tham số tổng thể và bài toán kiểm định giả thiết.

Nội dung học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu một số môn học chuyên ngành liên quan. Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, kỹ năng phân tích và ra quyết định.

9.5.17. Nhập môn du lịch

Mã học phần: TO6044

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng mang tính khái quát và tổng hợp nhất về ngành du lịch; Các kiến thức mang tính chất định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân để thành công trong quá trình học tập cũng như nghề nghiệp sau khi ra trường. Qua đó, người học có thể nhận diện và giải thích được các hiện tượng, bản chất của hoạt động du lịch đồng thời hình thành thái độ đam mê, ý thức trách nhiệm và định hướng học tập, phát triển nghề nghiệp cho bản thân.

9.5.18. Tham quan các mô hình lưu trú

Mã học phần: TO6063

Số tín chỉ: 2(0,0,2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức về một số mô hình kinh doanh dịch vụ lưu trú phổ biến trong hoạt động du lịch. Thông qua hoạt động nhóm trên cơ sở

trải nghiệm thực tế các mô hình kinh doanh dịch vụ lưu trú, sinh viên có thể tổng hợp được thông tin tài liệu về hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh lưu trú cụ thể.. Từ đó giúp sinh viên hình thành lòng đam mê nghề nghiệp.

9.5.19. Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng của khách du lịch

Mã học phần: TO6055

Số tín chỉ: 4(4;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, chuyên sâu về lĩnh vực tâm lý và hành vi tiêu dùng của khách du lịch. Sinh viên có khả năng nhận dạng, giải thích và ra quyết định marketing đúng đắn nhằm gây ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua và tiêu dùng sản phẩm dịch vụ du lịch của khách du lịch khi mình là những nhà quản trị marketing, rộng hơn nữa là những nhà quản trị doanh nghiệp. Đồng thời sinh viên có khả năng tiến hành các cuộc nghiên cứu về khách du lịch từ khâu lập kế hoạch nghiên cứu, xây dựng phiếu điều tra, tổ chức hội nghị khách hàng, tiến hành điều tra, xử lý kết quả và đưa ra những thông tin quan trọng giúp nhà quản trị điều chỉnh chiến lược marketing du lịch cho hiệu quả.

9.5.20. Marketing du lịch

Mã học phần: TO6035

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần củng cố các kiến thức marketing căn bản, trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing du lịch, những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các điểm, khu, đô thị du lịch tại Việt Nam hiện nay từ đó có thể phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn và những rủi ro trong quá trình marketing du lịch và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả marketing du lịch.

9.5.21. Kinh tế du lịch

Mã học phần: TO6027

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các phương pháp luận trong nghiên cứu kinh tế du lịch, cách thức xác định những tác động của du lịch với nền kinh tế quốc dân và phân tích những biến số kinh tế cơ bản trong thị trường du

lịch như cung du lịch, cầu du lịch, tiêu dùng du lịch...Đồng thời học phần giúp người học làm quen và vận dụng các công thức tính hệ số co giãn cầu, chỉ số tiêu dùng du lịch. Qua đó, người học có thể phân tích và vận dụng những kiến thức cơ sở về kinh tế vào hoạt động quản trị kinh doanh du lịch.

9.5.22. Luật trong du lịch

Mã học phần: LP6005

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Luật đại cương

Chương trình học phần Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, dùng đào tạo trình độ hệ cao đẳng, đại học chuyên nghiệp cung cấp những vấn đề cơ bản về du lịch như bộ máy tổ chức và quản lý du lịch Việt Nam, tài nguyên du lịch, các vấn đề luật pháp của ngành khách sạn, nhà hàng và lữ hành, môn học sẽ phân tích các thủ tục pháp lý trong hoạt động kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng, xúc tiến du lịch và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực du lịch.

9.5.23. Kiểm soát đồ uống và thực phẩm

Mã học phần: TO6024

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái quát về thực phẩm, các đặc trưng, biện pháp kiểm soát chất lượng thực phẩm cũng như các hệ thống tiêu chuẩn nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trên cơ sở đó giúp sinh viên nhận diện được các loại thực phẩm khác nhau. Đồng thời đưa ra được các biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà hàng.

9.5.24. Thực tập cơ sở ngành (QTKS)

Mã học phần: TO6075

Số tín chỉ: 4(0,0,4)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Tham quan các mô hình lưu trú

Học phần này cung cấp cho người học cơ hội áp dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tế công việc tại một doanh nghiệp cụ thể. Học phần giúp người học hiểu, thích ứng được với môi trường làm việc và có tác phong làm việc chuyên nghiệp. Thông qua quá trình thực tập, người học nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để từ đó có định hướng phát triển cá nhân và mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng trong tương lai.

9.5.25. Địa lý du lịch

Mã học phần: TO6019

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về hệ thống lãnh thổ du lịch (hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch) cho sinh viên ngành du lịch, quản trị kinh doanh dịch vụ và lữ hành, ngành quản trị và kinh doanh khách sạn. Với cách tiếp cận điểm đến, người học có khả năng phân tích, đánh giá các điều kiện phát triển du lịch ở từng điểm du lịch, từng vùng du lịch cụ thể, từ đó định hướng hình thành và xây dựng các chương trình du lịch, góp phần phát triển năng lực thực hiện, điều hành, quản lý hoạt động du lịch. Học phần cung cấp các kỹ năng nhằm tăng khả năng thành công của người làm du lịch tương lai bằng cách nhận thức được trách nhiệm của người làm nghề du lịch, từ đó đưa ra các ứng xử, thái độ tích cực trong giao tiếp và hành động.

9.5.26. Du lịch có trách nhiệm

Mã học phần: TO6016

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần xây dựng chương trình du lịch gồm 4 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch có trách nhiệm như vai trò, nguyên tắc của du lịch có trách nhiệm. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ trách nhiệm trong hoạt động du lịch và những danh hiệu du lịch có trách nhiệm cũng như lợi ích của việc công nhận tôn vinh du lịch có trách nhiệm. Học phần cũng đưa ra các phương pháp, công cụ cơ bản để phát triển du lịch bền vững để người học có hướng tiếp cận thực tế và dễ áp dụng trong hoạt động nghề nghiệp du lịch trong tương lai.

9.5.27. An ninh, an toàn trong khách sạn

Mã học phần: TO6005

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các qui định về an toàn an ninh trong khách sạn, qui trình thực hiện các qui định đó, trong đó trọng tâm là các qui định về phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh thông tin của khách và khách sạn, tổ chức và quản lý đồ khách bỏ quên.

9.5.28. Kinh doanh khách sạn

Mã học phần: TO6026

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ trong kinh doanh khách sạn, dịch vụ; việc tổ chức điều hành và lập kế hoạch kinh doanh các loại hình dịch vụ trong khách sạn như lưu trú, ăn uống, dịch vụ bổ sung, thanh quyết toán các hợp đồng kinh doanh khách sạn.

9.5.29. Quản trị bộ phận buồng

Mã học phần: TO6050

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác quản trị bộ phận buồng tại khách sạn. Từ đó, sinh viên có thể hình thành kỹ năng quản lý, giám sát và đánh giá được hiệu quả của hoạt động của bộ phận buồng; có ý thức rèn luyện kỹ năng, thái độ đúng đắn để trở thành nhà quản lý buồng tại các khách sạn trong tương lai.

9.5.30. Quản trị bộ phận tiền sảnh

Mã học phần: TO6051

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về nhiệm vụ, chức năng và quy trình vận hành của bộ phận tiền sảnh trong mối liên hệ chặt chẽ với các bộ phận/đơn vị bên trong và bên ngoài khách sạn; công tác lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung công việc trong bộ phận; công tác tuyển dụng, đào tạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động của nhân viên trong bộ phận; qui trình xử lý một số tình huống thường gặp đối với nhà quản lý bộ phận tiền sảnh khách sạn.

9.5.31. Quản trị bộ phận ẩm thực

Mã học phần: TO6049

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về bộ phận ẩm thực và các nội dung cơ bản của hoạt động quản trị tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn. Từ đó giúp sinh viên bước đầu quản lý được các nguồn lực, giám sát được các công việc tại bộ phận ẩm thực và đánh giá được hiệu quả hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh của bộ phận ẩm thực trong khách sạn

9.5.32. Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ

Mã học phần: TO6048

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức quản lý vận hành trực tiếp hoặc gián tiếp khách sạn vừa và nhỏ trong hoạt động phục vụ khách bao gồm hoạt động của các bộ phận lễ tân, buồng phòng, phục vụ ăn uống, kế toán, nhân sự, marketing và bán hàng; một số tình huống thường gặp trong nhà hàng – khách sạn.

9.5.33. Kinh doanh dịch vụ bổ sung

Mã học phần: TO6025

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về dịch vụ bổ sung trong kinh doanh khách sạn bao gồm nhóm dịch vụ bổ sung phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của khách, dịch vụ bổ sung mang tính chất giải trí, dịch vụ bổ sung phục vụ cho khách đặc biệt và dịch vụ bổ sung của khách sạn có tính nâng cao tiện nghi sinh hoạt cho khách. Đồng thời học phần trang bị cho người học kỹ năng tổ chức và vận hành các dịch vụ bổ sung thuộc các nhóm nêu trên, hoạt động kiểm tra đánh giá chất lượng dịch vụ bổ sung, chiến lược và hoạt động tổ chức kinh doanh những dịch vụ này trong khách sạn.

9.5.34. Nghiệp vụ buồng

Mã học phần: TO6040

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cơ bản của nhân viên phục vụ buồng như vệ sinh buồng khách, vệ sinh khu vực công cộng, chăm sóc khách hàng... Qua đó giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong chuyên nghiệp,

trung thực, chu đáo, cẩn thận của nhân viên phục vụ buồng nói riêng và người làm nghề dịch vụ nói chung.

9.5.35. Nghiệp vụ bàn

Mã học phần: TO6039

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về việc tổ chức phục vụ ăn uống trong nhà hàng. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên sự chuyên nghiệp, chủ động, tự tin, chu đáo và khả năng chịu được áp lực cao trong quá trình phục vụ khách hàng. Từ đó giúp sinh viên có nhận thức nghề nghiệp đúng đắn và xây dựng niềm đam mê đối với nghề khách sạn – nhà hàng.

9.5.36. Pha chế đồ uống

Mã học phần: TO6045

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức trong quá trình phục vụ đồ uống như tiêu chuẩn của nhân viên phục vụ đồ uống, các loại đồ uống không cồn bao gồm những nhóm đồ uống nóng, lạnh của trà và cà phê, các loại nước hoa quả, sinh tố, nước khoáng và đồ uống có cồn nhờ quá trình lên men, lên men rồi chưng cất, lên men chưng cất rồi pha trộn cùng với những kỹ năng pha chế đồ uống cocktail, mocktail thông qua các phương pháp pha chế trực tiếp, pha trộn, dùng máy xay, dùng bình lắc, pha tầng. Ngoài ra người học còn trang bị những kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình phục vụ, những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, quản lý, đánh giá chất lượng sản phẩm và công cụ dụng cụ phục vụ.

9.5.37. Lễ tân khách sạn

Mã học phần: TO6033

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp cho người học hình thành những kiến thức và kỹ năng nghề cơ bản của nhân viên làm việc tại bộ phận tiền sảnh trong khách sạn. Phần kiến thức sẽ giúp sinh viên nắm bắt những kiến thức liên quan đến tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận tiền sảnh trong tổng thể hoạt động của khách sạn. Phần kỹ năng giúp

cho sinh viên hình thành những tiêu chuẩn về kỹ năng nghiệp vụ tại bộ phận lễ tân bao gồm công tác chuẩn bị ca làm việc, sắp xếp đồ dùng, thực hiện nghiệp vụ tổng đài điện thoại, nhận đặt phòng, đăng ký nhận phòng, thiết lập và duy trì tài khoản theo dõi các chi phí trong suốt thời gian lưu trú, công tác xử lý thông tin và phục vụ trong thời gian khách lưu trú, công tác thu ngân và làm thủ tục cho khách trả phòng, xây dựng cơ sở dữ liệu khách để thực hiện công tác chăm sóc khách hàng ... Đồng thời học phần sẽ giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong chuyên nghiệp, chu đáo, cẩn thận của người làm nghề dịch vụ.

9.5.38. Thực tập chuyên ngành khách sạn

Mã học phần: TO6076

Số tín chỉ: 5(0,0,5)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cơ sở ngành khách sạn

Học phần giúp sinh viên khái quát hóa và tổng hợp được các kiến thức, kỹ năng trong nghề Khách sạn đã được học và trau dồi thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế các hình thức kinh doanh lưu trú theo dọc tuyến điểm du lịch Việt Nam. Qua đó, người học có thể so sánh, phân tích, đúc rút và tích lũy thêm kinh nghiệm về hoạt động quản trị và kinh doanh Khách sạn. Đồng thời, học phần còn giúp người học xác định được hướng đi chuyên sâu về nghề nghiệp cũng như địa bàn làm việc sau khi ra trường.

9.5.39. Quản trị nhân lực

Mã học phần: BM6060

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: vai trò, chức năng của công tác quản trị nhân lực trong doanh nghiệp, những tác động của luật pháp, công nghệ, cạnh tranh... tới quản trị nhân lực; các nội dung của quản trị nhân lực như phân tích công việc và định mức lao động, lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên, xây dựng chính sách và thực hiện các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động du lịch, xử lý các quan hệ lao động...

9.5.40. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch

Mã học phần: TO6052

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch như bản chất về dịch vụ và chất lượng dịch vụ du lịch; các mô hình cung ứng dịch vụ du lịch chất lượng; hệ thống tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng dịch vụ du lịch; qui trình quản trị chất lượng trong kinh doanh dịch vụ du lịch từ xác định mục tiêu và chính sách chất lượng dịch vụ, hoạch định, đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ đến giám sát và đánh giá để phát hiện lỗi trong quá trình sáng tạo và cung ứng dịch vụ du lịch.

9.5.41. Tư vấn và bán sản phẩm du lịch

Mã học phần: TO6062

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cụ thể về nghiệp vụ tư vấn và bán sản phẩm du lịch: Vị trí, vai trò và chức năng của hoạt động tư vấn và bán sản phẩm du lịch; phân loại hoạt động tư vấn và bán sản phẩm du lịch; quy trình tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Ngoài ra người học được thực hành các nghiệp vụ cơ bản khi tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Học phần cũng góp phần bồi dưỡng lòng đam mê của người học với vị trí nghề nghiệp này.

9.5.42. Thanh toán quốc tế trong du lịch

Mã học phần: TO6065

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quát về thanh toán quốc tế trong du lịch, bao gồm: các vấn đề cơ bản về thanh toán quốc tế như đặc điểm, vai trò và cân cân thanh toán quốc tế; các vấn đề về tỷ giá hối đoái như khái niệm, phân loại, phương pháp công bố, phương pháp xác định, thị trường hối đoái; và trọng tâm là các phương tiện thanh toán quốc tế trong hoạt động du lịch như thương phiếu, séc, thẻ ngân hàng...

9.5.43. Thương mại điện tử trong du lịch

Mã học phần: TO6077

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện trong kinh doanh du lịch.

9.5.44. Xúc tiến du lịch

Mã học phần: TO6079

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nền tảng kiến thức liên quan đến xúc tiến trong du lịch, đặc biệt nhấn mạnh việc sáng tạo ý tưởng, xây dựng thông điệp và lập kế hoạch xúc tiến hỗn hợp, các hình thức xúc tiến phổ biến và hoạt động xúc tiến điểm đến du lịch.

9.5.45. Tổ chức sự kiện

Mã học phần: Tổ chức sự kiện

Số tín chỉ: 4(2,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức sự kiện, qua đó người học có thể lên kế hoạch và tổ chức một số sự kiện có quy mô nhỏ. Ngoài ra, với hoạt động thực tế, người học có cơ hội được làm quen với công tác tổ chức sự kiện một cách chuyên nghiệp và tích lũy thêm những kinh nghiệm trong tổ chức các sự kiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

9.5.46. Giao tiếp trong du lịch

Mã học phần: TO6022

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “Giao tiếp trong du lịch” trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong du lịch. Đồng thời, cung cấp cho người học những kỹ năng giao tiếp của người quản lý, nhân viên phục vụ của các bộ phận trong các tổ chức, doanh nghiệp du lịch. Từ đó, học phần giúp người học có kỹ năng giao tiếp tốt và vận dụng hiệu quả vào hoạt động quản trị và kinh doanh du lịch.

9.5.47. Lễ tân ngoại giao

Mã học phần: TO6034

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về lễ tân ngoại giao như khái niệm, vai trò, nguyên tắc, cơ quan phụ trách công tác lễ tân ngoại giao, các biểu tượng quốc gia trong hoạt động lễ tân ngoại giao...từ đó người học có khả năng vận dụng vào các hoạt động đón tiếp, chiêu đãi các đoàn khách cao cấp của nhà nước, chính phủ, các cơ quan của chính phủ và rèn luyện khả năng thích nghi với những nghi lễ, hoạt động mang tính trang trọng, lịch sử theo luật pháp Việt Nam và qui ước quốc tế.

9.5.48. Thư ký văn phòng

Mã học phần: BM6079

Số tín chỉ: 2(2;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thư ký văn phòng nhằm cung cấp cho người học phẩm chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các công tác trợ giúp của một nhân viên văn phòng trong các cơ quan, tổ chức.

9.5.49. Kế toán doanh nghiệp du lịch

Mã học phần: AA6009

Số tín chỉ: 2(2;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc nhóm các môn học cơ sở áp dụng cho chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này gồm có 9 chương, phản ánh tổng quát toàn bộ quá trình hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong đơn vị kinh doanh du lịch – khách sạn từ lý luận cơ bản đến hạch toán các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến: kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí kinh doanh và tính giá thành trong kinh doanh du lịch; kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp du lịch,... Đồng thời, học phần còn cung cấp cho người học những quy định chung, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính. Và kèm theo các nội dung đó là các ví dụ minh họa để người học dễ liên hệ với thực tiễn.

9.5.50. Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch

Mã học phần: TO6012

Số tín chỉ: 2(0;0;2)

Loại chuyên đề: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Chuyên đề cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản, thực tế về khởi nghiệp trong du lịch như: Tổng quan về doanh nghiệp du lịch và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch; kỹ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketing, kế hoạch tài chính giúp người có thể bắt đầu sự nghiệp kinh doanh du lịch của mình. Học phần cũng trang bị những kiến thức nền tảng và xây dựng một tâm lý chịu đựng cho người mới khởi sự như: vấn đề phá sản, những dấu hiệu của phá sản, tái cấu trúc, sự cần thiết của tái cấu trúc doanh nghiệp du lịch... Báo cáo chuyên đề là bước khởi đầu giúp cho người học nhận ra hoài bão khởi nghiệp, phát hiện ra khả năng của bản thân và nhận ra sứ mệnh to lớn của việc làm giàu từ con đường khởi nghiệp. Với sự hướng dẫn của các chuyên gia - nhà kinh doanh du lịch thành công, người học được truyền cho khát khao và ước mơ hoàn thiện bản thân để vươn đến thành công và hạnh phúc, tạo ra nhiều giá trị vật chất, rèn luyện tinh thần thép, xây dựng đạo đức kinh doanh và được cộng đồng thừa nhận.

9.5.51. Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn

Mã học phần: TO6011

Số tín chỉ: 2(0;0;2)

Loại chuyên đề: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Chuyên đề cung cấp kiến thức cơ bản về hoạch định chiến lược như khái niệm và qui trình hoạch định chiến lược đồng thời phân tích các mô hình hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn tại Việt Nam và Thế giới

9.5.52. Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn

Mã học phần: TO6010

Số tín chỉ: 2(0;0;2)

Loại chuyên đề: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Chuyên đề giới thiệu những chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù nghề khách sạn, tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đối với sự thành công của mỗi cá nhân người lao động và doanh nghiệp từ đó giúp hình thành nhân cách nghề nghiệp của mỗi chủ thể; hướng người học vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ trong hoạt động nghề nghiệp.

9.5.53. Thực tập doanh nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)

Mã học phần: TO6072

Số tín chỉ: 7(0;0;7)

Loại chuyên đề: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần thực tập tốt nghiệp là cơ hội để người học tìm hiểu một cách hoàn chỉnh về hoạt động kinh doanh và quản trị khách sạn trong các cơ sở kinh doanh lưu trú; chuẩn bị các kỹ năng cần thiết khi xin việc và duy trì công việc. Người học cũng sẽ được vận dụng và thực hành tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được đào tạo để hoàn thành các công việc được giao tại các cơ sở thực tập.

9.5.54. Khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)

Mã học phần: TO6032

Số tín chỉ: 8(0;0;8)

Loại chuyên đề: Bất buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này là sự xâu chuỗi, tổng hợp của nhiều lĩnh vực kiến thức mà sinh viên đã được nghiên cứu và học tập. Học phần đề cao tính ứng dụng, tính thực tiễn của sinh viên trong quá trình nghiên cứu, đồng thời cũng yêu cầu nắm bắt được xu hướng và giải quyết các vấn đề đặt ra trong ngành quản trị khách sạn.

9.6. Đề cương chi tiết các học phần

Bảng 11 Đề cương chi tiết các học phần

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
1	Triết học Mác-Lênin	LP6010	https://dhenhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6817&back=1&ver=1
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LP6004	https://www.dhenhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4838
3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LP6011	https://dhenhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6818&back=1&ver=2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LP6013	https://dhenhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6820&back=1&ver=1
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LP6012	https://dhenhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6819&back=1&ver=1
6	Pháp luật đại cương	LP6003	https://www.dhenhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4837
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BM6046	https://www.dhenhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6380
8	Nghi thức xã hội	TO6038	https://www.dhenhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5855&back=1&ver=2
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TO6001	https://www.dhenhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4805&back=1&ver=2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
10	Phong tục tập quán các nước trên thế giới	TO6046	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5869&back=1&ver=2
11	Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	TO6037	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5854&back=1&ver=2
12	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 1	FL6361	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=7066
	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 2	FL6362	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=7067
13	Tin học ứng dụng trong du lịch	TO6058	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5882&back=1&ver=1
14	Môi trường và phát triển	TO6036	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5852&back=1&ver=2
15	Kinh tế vi mô	BM6025	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6359
16	Xác suất thống kê	BS6008	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4834
17	Nhập môn du lịch	TO6044	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5865&back=1&ver=2
18	Tham quan các mô hình lưu trú	TO6063	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5887&back=1&ver=2
19	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng của khách du lịch	TO6055	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5879&back=1&ver=1
20	Marketing du lịch	TO6035	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5851&back=1&ver=1
21	Kinh tế du lịch	TO6027	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5835&back=1&ver=2
22	Luật trong du lịch	LP6005	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6281
23	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	TO6024	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5832&back=1&ver=2

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
24	Thực tập cơ sở ngành (QTKS)	TO6075	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5895&back=1&ver=2
25	Địa lý du lịch	TO6019	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5824&back=1&ver=1
26	Du lịch có trách nhiệm	TO6016	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5821&back=1&ver=1
27	An ninh, an toàn trong khách sạn	TO6005	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5782&back=1&ver=1
28	Kinh doanh khách sạn	TO6026	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5834&back=1&ver=1
29	Quản trị bộ phận buồng	TO6050	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5874&back=1&ver=2
30	Quản trị bộ phận tiền sảnh	TO6051	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5875&back=1&ver=1
31	Quản trị bộ phận ẩm thực	TO6049	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5873&back=1&ver=2
32	Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ	TO6048	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5872&back=1&ver=1
33	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	TO6025	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5833&back=1&ver=1
34	Nghiệp vụ buồng	TO6040	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5859&back=1&ver=2
35	Nghiệp vụ bàn	TO6039	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5857&back=1&ver=2
36	Pha chế đồ uống	TO6045	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5866&back=1&ver=1
37	Lễ tân khách sạn	TO6033	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5849&back=1&ver=1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
38	Thực tập chuyên ngành khách sạn	TO6076	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5897&back=1&ver=1
39	Quản trị nhân lực	BM6060	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6394
40	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	TO6052	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5876&back=1&ver=1
41	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch	TO6062	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5886&back=1&ver=1
42	Thanh toán quốc tế trong du lịch	TO6065	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5889&back=1&ver=1
43	Thương mại điện tử trong du lịch	TO6077	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6101&back=1&ver=1
44	Xúc tiến du lịch	TO6079	https://www.dhcnhn.vn/cdio/modulesversioncdio/dieu-chinh-de-cuong-hoc-phan.htm?id=%206103&mid=6103&back=1
45	Tổ chức sự kiện	TO6059	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5883&back=1&ver=2
46	Giao tiếp trong du lịch	TO6022	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5827&back=1&ver=2
47	Lễ tân ngoại giao	TO6034	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewversioncdioblearing/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5850&back=1&ver=2
48	Thư ký văn phòng	BM6079	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6413
49	Kế toán doanh nghiệp du lịch	AA6009	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6223
50	Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	TO6012	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5801&back=1&ver=1
51	Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	TO6011	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5799&back=1&ver=1
52	Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn	TO6010	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5798&back=1&ver=1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
53	Thực tập doanh nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)	TO6072	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5900&back=1&ver=1
54	Khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)	TO6032	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5840&back=1&ver=1

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 12: Đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức		ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	ĐH Công nghiệp HN
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	10		10
	Khoa học xã hội và nhân văn	20		13
	Tiếng Anh chuyên ngành	9	37	5
	Khoa học tự nhiên	3		4
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở khối ngành	17		9
	Cơ sở ngành	18	3	17
	Chuyên ngành	32	49	31
	Bổ trợ	3		11
Thực tập doanh nghiệp		6		10
Tốt nghiệp	TTTN	3		9
	KLTN	5		6
Khác		2		
Số TC tự chọn		26	22	20
Tổng số TC của CTĐT		137	120	135

10.2. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường

Bảng 13: So sánh các học phần tương đồng giữa các trường

Học phần	Trường ĐH KTQD (2020)	ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	ĐH Công nghiệp HN
Triết học Mác-Lênin	x	x		x

Học phần	Trường ĐH KTQD (2020)	ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	ĐH Công nghiệp HN
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x		x
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	x		x
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x
Pháp luật đại cương	x			x
Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			x
Lễ tân ngoại giao	x			x
Nghi thức xã hội				x
Phong tục tập quán các nước trên thế giới				x
Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x		x
Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	x			x
Tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	x	x		x
Xác suất thống kê			x	x
Tin học ứng dụng trong KS	x	x		x
Kinh tế vi mô	x	x		x
Môi trường và phát triển		x		x
Nhập môn du lịch học		x	x	x
Tham quan các mô hình cơ sở lưu trú				x
Marketing du lịch	x			x
Kinh tế du lịch	x			x
Luật trong du lịch				x
Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	x			x
Thực tập cơ sở ngành				x
Địa lý du lịch				x
Du lịch có trách nhiệm				x
An ninh an toàn trong khách sạn	x			x
Kinh doanh khách sạn	x			x
Quản trị bộ phận buồng	x	x		x
Quản trị bộ phận tiền sảnh	x	x		x
Quản trị bộ phận ẩm thực	x	x		x
Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ				x

Học phần	Trường ĐH KTQD (2020)	ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	ĐH Công nghiệp HN
Kinh doanh dịch vụ bổ sung	x			x
Nghiệp vụ buồng			x	x
Nghiệp vụ bàn	x		x	x
Pha chế đồ uống		x		x
Lễ tân khách sạn	x		x	x
Thực tập chuyên ngành	x		x	x
Quản trị nhân lực	x		x	x
Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch			x	x
Tư vấn và bán sản phẩm du lịch				x
Thanh toán quốc tế trong du lịch	x	x		x
Xúc tiến du lịch				x
Tổ chức sự kiện	x			x
Thương mại điện tử trong du lịch		x		x
Giao tiếp trong du lịch				x
Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch	x			x
Thư ký văn phòng				x
Kế toán doanh nghiệp du lịch		x	x	x
Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	x			x
Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	x			x
Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn	x			x
Thực tập doanh nghiệp	x	x		x
Khóa luận tốt nghiệp	x	x		x

[1] Phụ lục 01; [2] Phụ lục 02; [3] Phụ lục 03

10.3. So sánh với các phiên bản chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bảng 14: Bảng so sánh với các phiên bản chương trình đào tạo trước đó

Kiến thức Giáo dục đại cương	46	52,5
Kiến thức Cơ sở ngành	34	34
Kiến thức Chuyên ngành	40	40
Kiến thức tốt nghiệp	15	15
Tổng cộng	135	141,5

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Phạm Văn Bổng

P.TRƯỞNG KHOA

TS. Cao Thị Thanh

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học trong nước

1. Khung chương trình ĐH ngành QTKS, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2020)

<https://docs.google.com/viewer?url=https://neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/dulichkhachsan/Van%20ban%20DLKS/Mo%20ta%20CT%C4%90T%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kh%C3%A1ch%20s%E1%BA%A1n.docx&embedded=true>

2. Khung chương trình ĐH ngành QTKS - ĐH Khoa học xã hội và nhân văn (2015)

<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/nganh-quan-tri-khach-san/khung-chuong-trinh-16362.html>

Phụ lục 2 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học nước ngoài

3. Khung chương trình Đại học QTKS, Đại học Nevada, Las Vegas (2017)

<https://www.unlv.edu/degree/bs-hospitality-management>